

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 26

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Xuân Đức	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2012)
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm vị trí Chủ tịch từ ngày 28/12/2011)
Ông Vũ Hữu Thịnh	Thành viên
Ông Đặng Hùng	Thành viên
Ông Hồ Ngân Chi	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Sơn	Trưởng ban
Ông Phan Thị Thu Thảo	Thành viên
Ông Trần Thị Hồng Khang	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hữu Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Mai Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Đức	Giám đốc tài chính

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên hãng Crowe Horwath International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê chuẩn rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,

Nguyễn Xuân Đức
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Vũ Hữu Thịnh
Tổng Giám đốc

Số. 96 /2012/DTLHN - BCKT

BÁO CÁO SOÁT XÉT

V/v: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông của
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ Tầng Mạng (“Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012 và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả và cơ sở công tác soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Nguyễn Thành Lâm
Giám đốc
Số chứng chỉ KTV: 0299/KTV

Lê Văn Hoài
Kiểm toán viên
Số chứng chỉ KTV: Đ0023/KTV

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DTL-Văn phòng Hà Nội
Thành viên hãng Crowe Horwath International

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.120.894.990	18.867.474.398
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	428.491.350	591.504.609
1. Tiền	111		428.491.350	591.504.609
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.609.998.319	14.451.646.559
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	3.825.618.649	6.416.153.957
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	7.117.045.642	6.273.407.865
3. Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.667.334.028	1.762.084.737
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	612.131.562	521.587.440
1. Hàng tồn kho	141		612.131.562	521.587.440
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.470.273.759	3.302.735.790
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		900.153.458	596.723.202
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	2.570.120.301	2.706.012.588
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.245.187.095	44.198.635.840
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.388.828.483	42.043.520.957
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	36.388.828.483	41.535.063.985
- Nguyên giá	222		79.082.931.611	78.420.124.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.694.103.128)	(36.885.060.664)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	1.000.011
- Nguyên giá	228		12.000.000	12.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.000.000)	(10.999.989)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	507.456.961
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.856.358.612	2.155.114.883
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		686.388.209	1.064.644.480
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.8	962.970.403	962.970.403
3. Tài sản dài hạn khác	268		207.000.000	127.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.366.082.085	63.066.110.238

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.898.219.605	29.933.004.588
I. Nợ ngắn hạn	310		15.398.572.318	20.920.232.078
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.9	2.566.250.000	7.302.805.093
2. Phải trả người bán	312	4.10	2.462.367.218	3.593.618.817
3. Người mua trả tiền trước	313		361.953.899	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.11	3.238.618.730	2.644.887.374
5. Phải trả người lao động	315		244.351.509	159.173.297
6. Chi phí phải trả	316	4.12	4.575.563.772	5.078.753.810
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.13	1.899.711.251	2.039.718.611
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		49.755.939	101.275.076
II. Nợ dài hạn	330		6.499.647.287	9.012.772.510
1. Vay và nợ dài hạn	334	4.14	4.401.642.920	5.380.642.133
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	4.15	2.098.004.367	3.632.130.377
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.467.862.480	33.133.105.650
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	33.467.862.480	33.133.105.650
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.308.662.027	1.085.490.732
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		444.275.812	369.885.380
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.714.924.641	1.677.729.538
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.366.082.085	63.066.110.238

Vũ Hữu Thịnh
Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Vũ Đức Trường
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	17.620.005.704	17.239.508.425
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	345.772.422
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	17.620.005.704	16.893.736.003
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	9.832.673.006	9.464.790.876
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.787.332.698	7.428.945.127
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.297.865	14.875.139
7. Chi phí tài chính	22		1.022.961.844	1.660.900.073
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.022.961.844	1.656.130.073
8. Chi phí bán hàng	24		1.959.850.913	969.447.350
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.3	4.170.268.097	3.901.151.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		639.549.709	912.321.471
11. Thu nhập khác	31		420.222	629.307
12. Chi phí khác	32		47.500.000	104.635.716
13. Lỗ khác	40		(47.079.778)	(104.006.409)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		592.469.931	808.315.062
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.4	108.932.238	276.597.856
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		483.537.693	531.717.206
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	161	177

Vũ Hữu Thịnh
Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Vũ Đức Trường
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.Thu tiền từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		20.076.461.673	14.299.079.249
2.Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(11.042.607.116)	(13.741.592.568)
3.Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.720.569.689)	(1.600.131.152)
4.Chỉ trả tiền vay	04		(1.610.691.685)	(1.398.461.047)
5.Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	4.11	-	(167.994.063)
6.Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		-	(185.763.626)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.702.593.183	(2.794.863.207)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(155.350.001)	
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.297.865	14.875.139
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(150.052.136)	14.875.139
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.900.000.000	4.422.885.368
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.615.554.306)	(7.494.801.878)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã chia cho chủ sở hữu	36		-	(190.980.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.715.554.306)	(3.262.896.510)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(163.013.259)	(6.042.884.578)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	591.504.609	6.736.780.135
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	428.491.350	693.895.557

Vũ Hữu Thịnh
Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Vũ Đức Trường
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng (“Công ty”) là một Công ty Cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103012994 ngày 29/06/2006 của Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 1	Ngày 06/11/2006
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 2	Ngày 13/11/2006
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 3	Ngày 06/06/2007
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 4	Ngày 30/05/2008
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 5	Ngày 23/03/2010

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND, chia thành 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngày 23/08/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 594/QĐ-SGDHN.

Ngày 16/09/2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lưu ký chứng khoán số 205/2010/GCNCP-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty đóng tại Tầng 9, Nhà D, Khách sạn Thê Thao, Làng sinh viên Hacinco, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; và Văn Phòng đại diện của Công ty đóng tại 373/14 đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên tại ngày 30/06/2012 là: 43 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê cơ sở hạ tầng thiết bị viễn thông;
- Mua bán, lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và các thiết bị chống sét;
- Xây dựng các công trình viễn thông cột ăng ten; và
- Dịch vụ kỹ thuật đo chất lượng thiết bị mạng và chất lượng dịch vụ viễn thông tin học.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ năm tài chính 2012 này bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.2 Áp dụng các Chuẩn mực và hướng dẫn kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu bổ sung các thuyết minh và ảnh hưởng đối với việc trình bày một số các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính. Từ năm 2011, Công ty đã lần đầu tiên áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong báo cáo tài chính.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2012, Công ty chưa thực hiện việc thuyết minh theo hướng dẫn tại Thông tư 210. Việc thuyết minh các công cụ tài chính được thực hiện vào cuối năm tài chính năm 2012.

3.3 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 7
Máy móc, thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cho thuê tài sản trong kỳ là số tiền cho thuê tài sản được xác định tương ứng với thời gian trong kỳ kế toán theo nguyên tắc làm tròn tháng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.12 Thuế****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Theo nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012, Công ty thuộc diện được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp trong năm 2012 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ: Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Thuế (Tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cho thuê trạm 10%
- Các dịch vụ khác 10%

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	251.852.766	163.981.935
Tiền gửi ngân hàng	176.638.584	427.522.674
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	428.491.350	591.504.609

4.2 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	102.354.000	2.258.200.747
Công ty TNHH Thiên Việt	102.354.000	2.258.200.747
Phải thu của khách hàng	3.723.264.649	4.157.953.210
Trung tâm Thông tin Di động khu vực I	1.305.284.510	819.189.752
Trung tâm Thông tin Di động khu vực II	7.500.208	131.230.769
Trung tâm Thông tin Di động khu vực IV	27.809.187	26.540.695
Trung tâm Thông tin Di động khu vực V	1.367.292.718	290.692.312
Trung tâm Thông tin Di động khu vực VI	296.212.726	1.292.265.157
Công ty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone	-	980.886.525
Trung tâm Điện thoại Di động CDMA - Sfone	612.000.000	612.000.000
Các khách hàng khác	107.165.300	5.148.000
Cộng	3.825.618.649	6.416.153.957

4.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội	24.926.894	59.989.400
Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiến	195.271.086	357.358.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	-	50.000.000
Các trạm BTS (*)	6.368.196.427	5.530.604.577
Các nhà cung cấp khác	528.651.235	275.455.888
Cộng	7.117.045.642	6.273.407.865

(*) Đây chủ yếu bao gồm tiền chi phí thuê mặt bằng các trạm nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn của người bán tại thời điểm ngày 30/06/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.4 Các khoản phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Phải thu tiền điện các trạm	1.266.994.980	963.578.304
Công ty CP Đầu tư Hải Hòa	89.875.784	69.222.257
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực IV (*)	142.348.835	142.348.835
Phải thu khác	168.114.429	586.935.341
Cộng	1.667.334.028	1.762.084.737

(*) Đây là chi phí lắp đặt Trạm Vĩnh Long phát sinh từ năm 2010 cho Trung tâm Thông tin Di động Khu vực IV thuê trạm. Công ty chưa thu hồi được khoản phải thu này tại ngày 30/06/2012.

4.5 Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	407.345.540	521.587.440
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	204.786.022	-
Giá gốc hàng tồn kho	612.131.562	521.587.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	612.131.562	521.587.440

(*) Đây là các công trình nhận thi công lắp đặt mạng lan, thi công kéo rai cáp điện nhẹ tòa nhà cho Công ty Cổ phần Công nghệ Quang Dũng Miền Bắc và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông.

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tạm ứng	2.568.129.661	2.704.021.948
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.990.640	1.990.640
Cộng	2.570.120.301	2.706.012.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND (*)	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	75.789.174.726	2.156.877.886	474.072.037	78.420.124.649
Mua sắm mới	-	-	155.350.001	155.350.001
XDCB hoàn thành	507.456.961	-	-	507.456.961
Tại ngày 30/06/2012	76.296.631.687	2.156.877.886	629.422.038	79.082.931.611
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	35.461.453.047	1.106.261.365	317.346.252	36.885.060.664
Trích khấu hao	5.581.620.838	52.952.996	174.468.630	5.809.042.464
Tại ngày 30/06/2012	41.043.073.885	1.159.214.361	491.814.882	42.694.103.128
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	40.327.721.679	1.050.616.521	156.725.785	41.535.063.985
Tại ngày 30/06/2012	35.253.557.802	997.663.525	137.607.156	36.388.828.483

(*): Bao gồm các tài sản cố định là các trạm BTS hầu hết do Công ty tự xây dựng và được ghi nhận vào tài sản cố định - Nhà cửa vật kiến trúc.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty có 99 trạm trong số 282 trạm đã hình thành dùng để chấp các khoản vay dài hạn như trình bày tại thuyết minh số 4.14 “Vay và nợ dài hạn”.

4.8 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Đây là khoản phát sinh do chênh lệch tạm thời giữa chi phí cho mục đích kết toán và thuế của khoản chi phí thuê mặt bằng các trạm BTS. Trong báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012, Công ty chưa thực hiện việc tính toán khoản thuế Thu nhập hoãn lại này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cũng như chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng sẽ được phản ánh trong báo cáo tài chính của cả năm 2012 vào thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.9 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	1.550.000.000	2.120.599.368
Các khoản vay Ngân hàng	-	1.008.527.368
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	20.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế	-	1.008.507.368
Các khoản vay cá nhân (*)	1.550.000.000	1.112.072.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.016.250.000	5.182.205.725
Các khoản vay Ngân hàng	86.250.000	3.165.005.725
Các khoản vay Công ty Tài chính Bưu điện	930.000.000	2.017.200.000
Cộng	2.566.250.000	7.302.805.093

(*) Bao gồm các khoản vay huy động từ cán bộ nhân viên trong Công ty và các khách hàng có thời hạn từ 3 đến 6 tháng, với lãi suất từ 18,5-21,5%/ năm. Các khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động và không cần tài sản thế chấp.

4.10 Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Công ty CP XD & PT Đô thị Quảng Ninh	-	215.206.000
Công ty CPTM & DVKT PT truyền hình	-	69.156.389
Công ty Viễn thông VTC	398.601.717	398.601.717
Công ty TNHH TM SX XD KHKT MT Đăng Quang	213.790.000	213.790.000
Công ty CP XD và Thương mại Việt Vương	-	130.923.028
Các Trạm BTS	1.171.541.760	1.320.499.320
Chi nhánh Công ty CP Viễn thông VTC tại HN	80.236.038	401.180.190
Công ty CP CK Sài Gòn tại Hà Nội - SSI	225.000.000	-
Công ty CP Công nghệ Quang Dũng Miền Bắc	80.236.636	-
Các nhà cung cấp khác	292.961.067	844.262.173
Cộng	2.462.367.218	3.593.618.817

4.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.377.317.759	938.427.920
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.806.582.631	1.697.650.393
Thuế thu nhập cá nhân	54.718.340	8.809.061
Cộng	3.238.618.730	2.644.887.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.12 Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Chi phí lãi vay phải trả	297.873.955	885.603.796
Chi phí thuê mặt bằng trạm (*)	4.277.689.817	4.147.080.014
Chi phí thuê bảo vệ	-	46.070.000
Cộng	4.575.563.772	5.078.753.810

(*): Chi phí thuê mặt bằng trạm làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo thuyết minh 4.8 “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại”.

4.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	179.451.481	100.545.125
Phải trả tiền điện các trạm	1.261.104.770	922.953.486
Tiền cổ tức từ năm 2009 - 2010	459.155.000	1.016.220.000
Cộng	1.899.711.251	2.039.718.611

4.14 Vay và nợ dài hạn

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Vay dài hạn	5.417.892.920	10.562.847.858
Vay dài hạn ngân hàng, tổ chức	2.417.892.920	7.562.847.858
Công ty Tài chính Bưu điện (i)	2.072.892.920	3.250.092.920
NH Techcombank - Kim Liên (ii)	345.000.000	431.250.000
NH TMCP QT Việt Nam - Mỹ Đình	-	2.550.999.213
NH TMCP Quân Đội - Mỹ Đình	-	1.330.505.725
Vay dài hạn cá nhân (iii)	3.000.000.000	3.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	(1.016.250.000)	(5.182.205.725)
Nợ đến hạn trả ngân hàng	(1.016.250.000)	(5.182.205.725)
Công ty Tài chính Bưu điện (i)	(930.000.000)	(2.107.200.000)
NH Habubank - Vạn Phúc	-	-
NH Techcombank - Kim Liên (ii)	(86.250.000)	(172.500.000)
NH TMCP QT Việt Nam - Mỹ Đình	-	(1.572.000.000)
NH TMCP Quân Đội - Mỹ Đình	-	(1.330.505.725)
Nợ dài hạn đến hạn trả cá nhân	-	-
Cộng	4.401.642.920	5.380.642.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.14 Vay và nợ dài hạn (Tiếp)**

(i): Gồm nhiều khoản vay, lãi suất của các khoản vay này trong kỳ là 20-21%/năm. Từ ngày 01/05/2012 lãi suất cả các khoản vay này là 20%/ năm. Các khoản vay được thế chấp bằng 99 trạm BTS khu vực Hà Nội.

(ii): Là khoản vay để mua xe ô tô có thời hạn vay trong 48 tháng, lãi suất cho vay trong kỳ là khoảng 18,74%/năm đến 19,73%/ năm. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(iii): Đây là khoản vay của bà Thành Minh Hiền với thời hạn 15 tháng để bổ sung nguồn vốn lưu động, lãi suất trong kỳ của khoản vay này là khoảng 21,5%/năm, từ ngày 01/05/2012 lãi suất vay là 20%/năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

4.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 30/06/2012 là khoản doanh thu do khách hàng ứng trước tiền thuê các trạm BTS của Công ty và thực hiện phân bổ doanh thu vào kỳ sau.

4.16 Vốn chủ sở hữu**4.16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận chưa	Cộng
	chủ sở hữu	phát triển	tài chính	phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	30.000.000.000	401.936.252	142.033.887	4.557.029.864	35.101.000.003
Lãi tăng trong năm	-	-	-	1.487.808.633	1.487.808.633
Chi trả cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Chia các quỹ	-	683.554.480	227.851.493	(1.367.108.959)	(455.702.986)
Tại ngày 31/12/2011	30.000.000.000	1.085.490.732	369.885.380	1.677.729.538	33.133.105.650
Tại ngày 01/01/2012	30.000.000.000	1.085.490.732	369.885.380	1.677.729.538	33.133.105.650
Lãi trong kỳ	-	-	-	483.537.693	483.537.693
Chia các quỹ	-	223.171.295	74.390.432	(446.342.590)	(148.780.863)
Tại ngày 30/06/2012	30.000.000.000	1.308.662.027	444.275.812	1.714.924.641	33.467.862.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên Cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 30/06/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Cổ phần	tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	Cổ phần	%	VND	%	VND	%
Công ty Tài chính Bưu điện	600.000	20,00%	1.000.000.000	3,33%	1.000.000.000	3,33%
Công ty TNHH Thiên Việt	600.000	20,00%	1.500.000.000	5,00%	1.500.000.000	5,00%
Công ty CP Vật tư Bưu điện	200.000	6,67%	2.000.000.000	6,67%	2.000.000.000	6,67%
Các cổ đông khác	1.600.000	53,33%	25.500.000.000	85,00%	25.500.000.000	85,00%
Cộng	3.000.000	100%	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

4.16.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2012 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000

4.16.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận thuần của các cổ đông phổ thông	483.537.693	531.717.206
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	161	177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng doanh thu	17.620.005.704	17.239.508.425
Doanh thu cho thuê các trạm BTS	17.478.366.930	17.143.906.607
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	141.638.774	95.601.818
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(345.772.422)
Hàng bán bị trả lại	-	(345.772.422)
Doanh thu thuần	17.620.005.704	16.893.736.003

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn cho thuê trạm BTS	9.719.061.660	9.427.337.453
- <i>Khấu hao các trạm</i>	5.581.190.682	5.474.787.282
- <i>Thuê mặt bằng các trạm</i>	4.137.870.978	3.952.550.171
	-	-
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	113.611.346	37.453.423
Cộng	9.832.673.006	9.464.790.876

5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.016.150.482	1.609.696.277
Chi phí vật liệu văn phòng	65.772.348	2.260.909
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	-	127.675.906
Chi phí khấu hao tài sản	228.851.793	209.279.070
Thuê và các khoản lệ phí	109.490.573	62.628.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.030.436.792	1.098.368.725
Chi phí khác bằng tiền	719.566.109	791.242.007
Cộng	4.170.268.097	3.901.151.372

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.4 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	592.469.931	808.315.062
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) LN	-	-
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>30.000.000</i>	<i>60.985.608</i>
CP không được khấu trừ (không hợp lệ)	30.000.000	60.985.608
Lợi nhuận sau điều chỉnh	622.469.931	869.300.670
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	622.469.931	869.300.670
Thuế suất (%)	25%	25%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	155.617.482	217.325.168
Thuế TNDN được miễn theo NĐ 60/2012	(46.685.244)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm	-	59.272.688
Thuế TNDN trong kỳ hiện hành ước tính	108.932.238	276.597.856
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	1.697.650.393	1.891.221.809
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(167.994.063)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	1.806.582.631	1.999.825.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.5 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.016.150.482	1.609.696.277
Chi phí vật liệu quản lý	180.014.248	79.479.909
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	-	127.675.906
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.810.042.475	5.684.066.352
Thuế và các khoản lệ phí	109.490.573	62.628.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.634.719.116	5.574.370.076
Chi phí khác bằng tiền	2.212.375.122	1.197.472.600
Cộng	15.962.792.016	14.335.389.598

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó bên liên quan của Công ty là Công ty Tài chính Bưu điện, Công ty TNHH Thiên Việt và Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện, các thành viên trong Ban giám đốc, Hội đồng quản trị của Công ty.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch và số dư sau với các bên liên quan:

Bán hàng

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Công ty TNHH Thiên Việt	-	102.300.000
Cộng	-	102.300.000

Mua hàng

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi vay Công ty Tài chính Bưu Điện	85.428.382	561.654.146
Lãi vay ông Đặng Hùng	27.826.527	-
Lãi vay ông Nguyễn Xuân Đức	11.568.054	-
Lãi vay ông Vũ Hữu Thịnh	38.723.473	-
Cộng	163.546.436	568.859.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)****Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	400.800.000	257.677.431
Thù lao của Hội đồng Quản trị	69.000.000	56.000.000
Cộng	469.800.000	313.677.431

Các khoản phải thu

	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Khoản phải thu khách hàng	102.354.000	2.258.200.747
Công ty TNHH Thiên Việt	102.354.000	2.258.200.747
Khoản ký quỹ ký cược	100.000.000	100.000.000
Ký quỹ tại Công ty Tài chính Bưu điện	100.000.000	100.000.000
Cộng	202.354.000	2.358.200.747

Các khoản vay

	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	VND
Công ty Tài chính Bưu Điện	2.072.892.920	3.250.092.920
- Vay dài hạn	1.142.892.920	1.142.892.920
- Nợ dài hạn đến hạn trả	930.000.000	2.107.200.000
Vay ngắn hạn cá nhân	900.000.000	250.000.000
- Ông Đặng Hùng	300.000.000	250.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Đức	50.000.000	-
- Ông Vũ Hữu Thịnh	550.000.000	-
Cộng	2.972.892.920	3.500.092.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được soát xét, và Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội.

Vũ Hữu Thịnh

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Vũ Đức Trường

Kế toán trưởng